

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 7 – 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lư Trường Tây

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trương Thị Hằng

Bà Nguyễn Bạch Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Lil – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976.

Trú tại: ấp 01, xã L, thị xã M, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị V, sinh năm: 1983.

Trú tại: ấp 01, xã L, thị xã M, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Thị Mỹ V1, sinh năm: 1985.

Trú tại: ấp P, xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày:

Anh Nguyễn Văn T với Nguyễn Thị V cùng tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2004 sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã M, tỉnh Hậu Giang vào ngày 03/9/2004.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có con chung nhưng khoảng tháng 08/2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do chị Nguyễn Thị V không chung thủy vi phạm chế độ một vợ một chồng. Anh Nguyễn Văn T đã nhiều lần khuyên ngăn chị Nguyễn Thị V để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Nguyễn Thị V không đồng ý, vợ chồng tôi đã ly thân từ đó cho đến nay nên yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

Về con chung: Có 02 người con tên: Nguyễn Hữu N, sinh ngày: 10/4/2004 (giới tính: Nam), hiện đang sống với anh Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu Đức T1, sinh ngày 31/8/2012 (giới tính: Nam), hiện đang sống với chị Nguyễn Thị V. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn T yêu cầu được nuôi Nguyễn Hữu N không yêu cầu chị Nguyễn Thị V cấp dưỡng nuôi con, đối với Nguyễn Hữu Đức T1, anh Nguyễn Văn T đồng ý để chị Nguyễn Thị V nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng khi có yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có mua Vật liệu xây dựng của chị Nguyễn Thị Mỹ V1 là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Lê Việt với số tiền là 53.963.000 đồng. Hiện nay Nguyễn Văn T đã trả được số tiền 20.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn T còn thiếu lại số tiền 33.963.000 đồng, Nguyễn Văn T đồng ý trả số tiền này cho chị Nguyễn Thị Mỹ V1 khi chị Vân có yêu cầu.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Nguyễn Thị V để tiến hành phiên họp, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn cũng như bị đơn không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mỹ V1 trình bày: Trước đây chị Nguyễn Thị Mỹ V1 có bán vật liệu xây dựng cho vợ chồng anh

Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị V số tiền 53.963.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T đã trả số tiền 20.000.000 đồng, còn lại 33.963.000 đồng, chị Nguyễn Thị Mỹ V1 đồng ý anh Nguyễn Văn T trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ V1 nhưng hiện tại chưa yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị V. Về con chung chị Nguyễn Thị V được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Hữu Đức T1; anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi Nguyễn Hữu N, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị V chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét. Về tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ V1 chưa yêu cầu nên không xem xét. Buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 để tham gia phiên tòa nhưng cố tình vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị V nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của anh Nguyễn Văn T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở

xác định anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Trị, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã L, thị xã M, tỉnh Hậu Giang) vào ngày 03/9/2004 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống anh Nguyễn Văn T cho rằng có mâu thuẫn nên yêu cầu được ly hôn và tại biên bản xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân dẫn đến yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T là có cơ sở. Ngoài ra, hiện tại thì vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V đã ly thân, tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T kiên quyết vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhận thấy việc yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời gian sống chung anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V có 02 người con tên Nguyễn Hữu N, sinh ngày: 10/4/2004 (giới tính: Nam), hiện đang sống với anh Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu Đức T1, sinh ngày 31/8/2012 (giới tính: Nam), hiện đang sống với chị Nguyễn Thị V. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn T yêu cầu được nuôi Nguyễn Hữu N và đồng ý để chị Nguyễn Thị V nuôi dưỡng Nguyễn Hữu Đức T1 và tại bản tự khai của Nguyễn Hữu N có nguyện vọng sống với anh Nguyễn Văn T, đối với Nguyễn Hữu Đức T1 chưa đủ 07 tuổi và hiện tại chị Nguyễn Thị V đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Con từ 7 tuổi trở lên phải xem xét đến nguyện vọng của con”*, Hội đồng xét xử giao chị Nguyễn Thị V tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Hữu Đức T1 và anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Hữu N để đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn cuộc sống của Nguyễn Hữu N và Nguyễn Hữu Đức T1 là phù hợp với các quy định của pháp luật. Đối với việc cấp dưỡng chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Văn T chưa thể hiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử dành quyền yêu cầu cho chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Văn T khi có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T khai không có nhưng chị Nguyễn Thị V vắng mặt không ghi được lời khai nên không xác định được khối tài sản chung của vợ chồng có hay không. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải tách phần tài sản chung không giải quyết, nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi

kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Mỹ V1 thừa nhận vợ chồng chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Văn T còn thiếu Nguyễn Thị Mỹ V1 số tiền 33.963.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Mỹ V1 cùng thỏa thuận anh Nguyễn Văn T trả số tiền này cho chị Nguyễn Thị Mỹ V1 nhưng chị Nguyễn Thị Mỹ V1 chưa yêu cầu. Do đó, dành quyền khởi kiện cho chị Nguyễn Thị Mỹ V1 đối với anh Nguyễn Văn T thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[7] Từ những phân tích trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị V được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Hữu Đức T1, sinh ngày 31/8/2012 (giới tính: Nam) và anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Hữu N, sinh ngày: 10/4/2004 (giới tính: Nam). Anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị V chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V đều được thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho chị Nguyễn Thị Mỹ V1 với anh Nguyễn Văn T đối với số tiền 33.963.000 đồng thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0015470 phiếu lập ngày 05 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị đơn cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang (1b);
- 3 đương sự (3b);
- VKSND thị xã Long Mỹ (1b);
- Chi cục THA dân sự thị xã Long Mỹ (1b);
- UBND xã Long Trị (1b);
- Lưu hồ sơ.

**(Đã ký)**

**Lư Trường Tây**